TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

2. Bà Dương Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp X, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Châu Hoàng T, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số Y, Ấp X, xã TPT, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà và ông Châu Hoàng T quen biết nhau thông qua mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Thuận Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Long An ngày 22/4/2009. Vì kết hôn qua mai mối nên bà và ông T

không có tìm hiểu về nhau trước khi kết hôn, cho nên đến sau khi kết hôn bà mới biết ông T thường đánh bạc (đá gà, đánh bài) và thường xuyên uống rượu bia say xỉn về nhà thì đánh bà, không quan tâm, phụ giúp bà chăm sóc các con. Ông T không có trách nhiệm với gia đình nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa. Mặc dù, vợ chồng vẫn còn ở chung một nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Vì nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không thể hàn gắn được nữa nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Hoàng T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung tên Châu Hoàng Thịnh sinh ngày 15/7/2009, Châu Ngọc Kim Thanh, sinh ngày 27/9/2014 và Châu Hoàng Thắng sinh ngày 05/01/2016, hiện cả 03 con vẫn đang ở chung với bà và ông T nhưng ông T không quan tâm phụ giúp bà chăm sóc các con, chỉ một mình bà chăm sóc sinh hoạt hàng ngày và học tập của các con. Vì vậy, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu ông Châu Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Châu Hoàng T không tạo lập được tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Châu Hoàng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, không trình bày ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28/02/2023 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án, ông Châu Hoàng Trương đã trình bày như sau:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, về con chung nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà H. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, ông tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung thì ông và bà H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ thì ông thống nhất với lời trình bày của bà H là vợ chồng không có nợ chung.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Châu Hoàng T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Bị đơn hiện đang cư trú tại xã TPT, huyện T, tỉnh Long An theo Kết quả xác minh ngày 28/02/2023 của Công an xã TPT, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là ly hôn và tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Châu Hoàng T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện CT, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38, quyển số 01, ngày 22/4/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà H trình bày do quen biết qua mai mối không tìm hiểu nhau trước khi kết hôn nên sau khi kết hôn thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên đánh bạc, uống rượu bia say xỉn về nhà có hành vi đánh vợ và không quan tâm phụ giúp vợ chăm sóc các con. Hiện mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T trình bày tại buổi hòa giải của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại là không đồng ý ly hôn với bà H nhưng ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông T vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ ông T đã không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H, như vậy có cơ sở xác định giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau như bà H trình bày. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của

bà Nguyễn Thị Mỹ H xin ly hôn với ông Châu Hoàng T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung tên Châu Hoàng T1 sinh ngày 15/7/2009, Châu Ngọc Kim T2, sinh ngày 27/9/2014 và Châu Hoàng T3 sinh ngày 05/01/2016. Hiện cả 03 con vẫn đang ở chung với bà và ông T. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu ông Châu Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 đồng/tháng. Ông T trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 28/02/2023 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng mỗi tháng. Đồng thời, Tòa án đã ghi nhận nguyện vọng của các cháu Thịnh, Thanh, Thắng là muốn được sống với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T về quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Châu Hoàng T1 sinh ngày 15/7/2009, Châu Ngọc Kim T2, sinh ngày 27/9/2014 và Châu Hoàng T3 sinh ngày 05/01/2016; ông Châu Hoàng T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng mỗi tháng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Tại Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28/02/2023, bà H và ông T thống nhất tự thỏa thuận về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và đều xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, trường hợp các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Châu Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; bà H đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 96, Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ H về "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" đối với ông Châu Hoàng T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với ông Châu Hoàng T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Châu Hoàng T1 sinh ngày 15/7/2009, Châu Ngọc Kim T2, sinh ngày 27/9/2014 và Châu Hoàng T3 sinh ngày 05/01/2016. Ông Châu Hoàng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng mỗi tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định của pháp luật.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006421 ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; bà H đã thi hành xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Châu Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Nơi đăng ký kết hôn
(Để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Thị Hoàng Dung